

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/DS-PT  
Ngày: 21/5/2020  
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân  
sự vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Bá Kha

*Các thẩm phán:* Ông Lê Quang Tấn

Ông Trần Bình Đào

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 37/2020/QĐ-PT ngày 20/3/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị L, sinh năm 1966 (Có mặt ngày 21/5/2020)

Địa chỉ: Khu phố O, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện hợp pháp của bà L:* Ông Phạm Đình Th; sinh năm 1959 (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/4/2020) (Có mặt).

Địa chỉ: phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích Ph; sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* NLQ1, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người làm chứng:* NLQ1, sinh năm 1972 (Có mặt ngày 12/5/2020).

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lâm Thị L và bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Ph.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn bà Lâm Thị L trình bày:*** Bà cho bà Ph vay nhiều lần cộng chung lại với số tiền 75.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 8%/tháng; số tiền 35.000.000 đồng đưa một lần vào ngày 02 không nhớ rõ tháng năm 2014, lãi suất 8%/tháng.

Đến ngày 09/8/2014 (02/9/2014 DL) bà cho bà Ph vay 15.000.000 đồng, ngày 26/8/2014 (19/9/2014 DL) cho vay 17.000.000 đồng, ngày 23/10/2014 (14/12/2014 DL) cho vay 86.700.000 đồng (trong đó tiền may đồ 700.000 đồng) hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng. Trong ngày 29/02/2015 (17/4/2015 DL) vay thêm 90.400.000 đồng (tiền may đồ 400.000 đồng) viết thành biên nhận chung là 319.100.000 đồng (trong đó tiền may đồ 1.100.000 đồng, tiền vay là 318.000.000 đồng) và 02 chỉ vàng 24K (loại 98%).

Sau đó, ngày 24/02/2015 (12/4/2015 DL) bà Ph tiếp tục vay 7.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 30% (số tiền này bà Ph hỏi dùm cho người khác, ngày 02/3/2015 (20/4/2015 DL) vay 60.000.000 đồng, ngày 02/4/2015 (19/5/2015 DL) vay 68.000.000 đồng, ngày 02/5/2015 (17/6/2015 DL) vay 106.000.000 đồng (tất cả các lần vay đều là ngày âm lịch) bà Ph đều viết biên nhận cho bà. Tổng cộng bà Ph vay của bà là 559.000.000 đồng, tiền may đồ 1.100.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K. Từ khi bà Ph vay cho đến nay chỉ đóng lãi được 8.000.000 đồng, bà yêu cầu thanh toán nhiều lần nhưng bà Ph không chịu trả tiền gốc và lãi. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích Ph và NLQ1 phải trả cho bà số tiền vay gốc 559.000.000 đồng, tiền may đồ 1.100.000 đồng, cộng chung là 560.100.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K (loại 98%). Yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay gốc 559.000.000 đồng từ ngày 02/5/2015 âm lịch (17/6/2015 DL) cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

***Tại đơn phản tố đề ngày 18/3/2018 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Ph trình bày:*** Bà thừa nhận có hỏi vay của bà L nhiều lần trước tháng 6/2013 (al) 75.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K (quy thành tiền 8.000.000 đồng) đến tháng 01/2014 (al) vay 35.000.000 đồng, tháng 02/2014 (al) vay 15.000.000 đồng. Sau đó, vay thêm 7.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc 132.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K (loại 98%). Bà L cộng gốc và tính lãi đến 30%/tháng, do bà L tính lãi quá cao và cộng tiền gốc và lãi gộp chung, bà trả được một thời gian thì không còn khả năng thanh toán nên bà L ép bà viết biên nhận và yêu cầu bà ghi với nội dung là “có hỏi cô L”. Thực tế khoản tiền 17.000.000 đồng, 60.000.000 đồng, 68.000.000 đồng, 86.700.000 đồng và 90.400.000 đồng là các khoản tiền lãi 30%/tháng bà L tự tính ra ép bà viết thành biên nhận nợ. Tính đến ngày 02/5/2015 (al) (17/6/2015 DL) bà đóng lãi cho bà L hơn 688.500.000 đồng, những khoản tiền lãi đóng không kịp phải làm biên nhận nợ là 428.100.000 đồng, bà L cộng dồn từ khoản tiền vay gốc 132.000.000 đồng + 428.100.000 đồng tiền lãi = 560.100.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K (loại 98%) buộc bà phải trả là không đúng. Bà đã đóng

lãi cho bà L nhiều lần, ngoài những lần bà đi đóng thì bà có nhờ người làm công là NLQ1 và bà Võ Thị Nương đóng dùm. Nay bà xác định đã đóng lãi vượt quá số tiền nợ gốc là 132.000.000 và 02 chỉ vàng 24K, yêu cầu Tòa án xem xét và khấu trừ, số tiền dư ra yêu cầu bà L trả lại cho bà.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 trình bày:** NLQ1 có yêu cầu phản tố cùng với đơn của bà Ph đề ngày 18/3/2018, ông thống nhất lời trình bày của bà Ph và cho rằng bà L có đưa cho ông 02 bảng kê tính lãi của tháng 5 và tháng 6/2015 và bản chiết tính lãi của số tiền 7.000.000 đồng, tất cả các khoản nợ vay bà L đều tính lãi 30%/tháng. Ông không đồng ý theo yêu cầu của bà L, yêu cầu Tòa án xem xét khoản tiền bà Ph đã đóng lãi vượt quá số tiền gốc, khấu trừ số tiền dư ra bà L phải trả lại cho vợ chồng ông.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G đã xét xử, quyết định:**

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L đối với bà Nguyễn Thị Bích Ph và NLQ1.

Xử buộc bà Nguyễn Thị Bích Ph và NLQ1 trả cho Lâm Thị L số tiền gốc và lãi là 209.913.000 (hai trăm linh chín triệu chín trăm mười ba nghìn) đồng và 02 (hai) chỉ vàng 24K (loại 98%).

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Bích Ph và NLQ1 đối với bà Lâm Thị L về số tiền lãi là 688.500.000 (Sáu trăm tám mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

*Sau khi xét xử sơ thẩm*, ngày 12/11/2019 bà Lâm Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử lại vụ án, buộc NLQ1 và bà Nguyễn Thị Bích Ph phải trả cho bà số tiền 560.100.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k, tính lãi suất áp dụng đối với số tiền 559.000.000 đồng theo quy định của pháp luật từ ngày 02/5/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử.

Ngày 12/11/2019 bà Nguyễn Thị Bích Ph có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần lãi suất đã thu lợi từ tháng 6/2013 âm lịch cho đến ngày 02/5/2015 âm lịch là bao nhiêu để khấu trừ theo đúng quy định của pháp luật và không đồng ý chịu tiền lãi 77.913.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn và đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu bà Ph và NLQ1 trả cho nguyên đơn số tiền 560.100.000 đồng, rút lại một phần nội dung kháng cáo là không yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 02/5/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Phía bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo, xem xét khấu trừ lại tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn để khấu trừ theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn khẳng định cho rằng số tiền 560.100.000 đồng là tiền gốc thì bị đơn

cũng đồng ý số tiền 560.100.000 đồng là tiền gốc, nhưng với điều kiện nguyên đơn phải trừ lại số tiền lãi 688.500.000 đồng mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn từ tháng 6/2013 âm lịch cho đến ngày 02/5/2015 âm lịch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, xử sửa Bản án sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G theo hướng đình chỉ một phần rút kháng cáo của bà L; chấp nhận một phần kháng cáo của bà L; không chấp nhận kháng cáo của bà Ph; tính lại tiền án phí các bên đương sự phải nộp theo quy định; NLQ1 được miễn giảm án phí vì người cao tuổi do có đơn xin miễn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ theo chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bên đương sự đều thừa nhận bà Ph vay tiền gốc của bà L nhiều lần gồm 75.000.000 đồng vay 06 lần cộng chung lại, số tiền 35.000.000 đồng đưa một lần, đến ngày 09/8/2014 (al) cho vay 15.000.000 đồng và đến ngày 24/2/2015 (al) vay 7.000.000 đồng, tổng cộng gốc 132.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K (loại 98%). Như vậy, tổng số tiền bà Ph vay gốc của bà L 132.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K (loại 98%), theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì phía bà L không phải chứng minh.

[2] Mặc khác, bà L kháng cáo cho rằng bà Ph còn các khoản vay của bà nhiều lần gồm số tiền 17.000.000 đồng, 86.700.000 đồng (tiền vay 86.000.000 đồng, tiền may đồ 700.000 đồng), 90.400.000 đồng (tiền vay 90.000.000 đồng, tiền may đồ 400.000 đồng), ngày 02/3/2015 (al) vay 60.000.000 đồng, ngày 02/4/2015 (al) vay 68.000.000 đồng, ngày 02/5/2015 (al) vay 106.000.000 đồng. Tổng số tiền vay gốc 427.000.000 đồng và tiền may đồ 1.100.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ theo chứng cứ do bà L cung cấp là biên nhận ngày 26/8/2014 vay 17.000.000 đồng (B1 09), ngày 23/10/2014 vay 86.700.000 đồng (B1 08), biên nhận ngày 02/3/2015 vay 60.000.000 đồng, ngày 02/4/2015 vay 68.000.000 đồng (B1 05), biên nhận đề ngày 29/2/2015 vay 90.400.000 đồng (B1 06), biên nhận ngày 2/5/2015 vay 106.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay Hội đồng xét xử cho nguyên đơn và bị đơn đối chất để làm rõ các biên nhận 86.700.000 đồng, biên nhận 17.000.000 đồng (B1 08, 09) tại sao có chữ R, và biên nhận 106.000.000 đồng có sửa chữ “là” (B1 07) thì bà L cho rằng ký hiệu R là đánh ghi số tiền trong hai biên nhận trên đã ghi chung vào biên nhận ngày 29/02/2015 rồi để khỏi cộng nhằm thêm số tiền cho bà

Ph, còn biên nhận có sửa chữ “là” do bà Ph tự sửa, còn phía bà Ph cho rằng hai biên nhận trên có đánh ghi ký hiệu chữ R thì bà không biết, do nguyên đơn tự đánh dấu, còn biên nhận 106.000.000 đồng có sửa chữ “là” là do tôi ghi chữ lãi, bà L không đồng ý nên yêu cầu tôi sửa lại chữ là. Quá trình giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm (B1 116), cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Ph thừa nhận tất cả những các biên nhận này do phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều do bà Ph trực tiếp viết và ký tên cho bà L. Tuy nhiên bà Ph xác định số tiền thể hiện trên các biên nhận này đều là tiền lãi do bà L tính lãi suất quá cao dẫn đến bà Ph không có khả năng thanh toán, sau đó bà L yêu cầu bà Ph viết các biên nhận nợ đối với các số tiền nêu trên, nhưng đây chỉ là lời khai nại từ phía bà Ph không được phía nguyên đơn thừa nhận và bà Ph cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh các biên nhận trên là số tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy bà Ph vay nhiều lần của bà L tổng số tiền vay gốc 427.000.000 đồng và 1.100.000 đồng tiền may đồ nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L yêu cầu bà Ph, NLQ1 trả cho bà L số tiền 428.100.000 đồng.

Như vậy, bà Ph và NLQ1 phải trả cho bà L tổng cộng số tiền gốc là 560.100.000 đồng (gồm số tiền bà Ph thừa nhận là 132.000.000 đồng, số tiền vay gốc 427.000.000 đồng, 1.100.000 đồng tiền may đồ theo các biên nhận nợ nêu trên) và 02 chỉ vàng 24K (loại 98%) như đã nhận định ở trên là có cơ sở.

[3] Đối với nội dung kháng cáo của bà L yêu cầu tính lãi suất đối với tổng số tiền 559.000.000 đồng từ ngày 02/5/2015 âm lịch đổi ra ngày dương lịch là 17/6/2015 đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xử 31/10/2019. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà L rút lại yêu cầu kháng cáo đối với số tiền lãi và đồng ý lấy số tiền gốc là 560.100.000 đồng. Trong đó có số tiền vay 559.000.000 đồng và tiền may đồ 1.100.000 đồng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ xét xử phần kháng cáo này của bà Ph.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bà Ph, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Ph cho rằng bà đã đóng lãi cho bà L từ tháng 6/2013 âm lịch cho đến ngày 02/5/2015 âm lịch với số tiền 688.500.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử khấu trừ theo quy định pháp luật. Trường hợp bà L khẳng định số tiền 560.100.000 đồng là tiền gốc thì bà Ph cũng đồng ý số tiền 560.100.000 đồng là tiền gốc, nhưng với điều kiện bà L phải khấu trừ lại số tiền lãi 688.500.000 đồng mà bà Ph đã đóng cho bà L. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của bà Ph tại bút lục 28 “Tôi có đóng lãi hàng tháng, đến ngày 14/6/2014 tôi với bà L có tính tiền lãi từ tháng 6/2014 trả về sau tôi có đóng lãi 118.000.000 đồng tiền lãi tại nhà bà L của các khoản tiền trước”, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/8/2017 (B1 213) thì bà Ph cho rằng bà đã trả tiền lãi cho bà L hơn 600.000.000 đồng. Tại bản tự khai (B1 266) và bà có đơn yêu cầu phản tố cho rằng bà đã đóng lãi cho bà L số tiền 688.500.000 đồng. Bà Ph cho rằng số tiền lãi trên bà đóng cho bà L, có khi bà nhờ ông Bảy và bà N đóng dùm. Theo bản tự khai NLQ1 (B1 38) và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông B trình bày, ông là người chạy xe Honda ôm, vào khoảng tháng 8/2014 bà Ph có mượn ông đi đóng tiền lãi, 01 tháng khoản 03 lần, một lần bà Ph gói tiền lại kêu ông đem lại nhà bà L để đóng lãi, bà Ph nói với ông là 10.000.000 đồng, ông không mở xem có phải là tiền và không kiểm tra có đủ số tiền 10.000.000 đồng

hay không, ông chỉ biết cầm một cục tiền do bà Ph gói sẵn chạy qua đưa cho bà L 06 lần và mỗi lần đưa cho bà L thì bà L vào nhà đếm, trở ra nói là đủ rồi ông đi về, ông đưa cho con bà L là cháu Trương Thị Thúy V 03 lần thì cháu V không đếm. Tổng cộng ông đưa được khoảng 09 lần bằng 90.000.000 đồng. Theo lời khai của người làm chứng bà Võ Thị N trình bày (B1 39, 282) vào tháng 9/2014 bà Ph có đưa tiền đi đến nhà bà L đóng lãi, mỗi tuần một lần có khi đưa cho bà L, có khi đưa cho Thúy Vi, mỗi lần một cục có nịt dây thung, không biết cụ thể số tiền, còn chị Vi con bà L khai (B1 40) thừa nhận có nhận tiền của ông Bảy 02 lần, bà Nương 02 lần rồi đưa cho bà L, chị Vi cũng không biết cụ thể số tiền bao nhiêu. Xét lời khai của bà Ph có mâu thuẫn, bà không xác định cụ thể số tiền lãi bà đã đóng cho bà L, các nhân chứng trình bày chỉ biết cầm một cục tiền đã được bà Ph gói sẵn để đưa qua cho bà L chứ không kiểm tra có đúng phải tiền và mỗi lần đưa cho bà L có giao đủ số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi không. Mặt khác, việc giao dịch số tiền lãi này không có ghi chép sổ sách, cũng không được phía bà L thừa nhận đã nhận số tiền đóng lãi do bà Ph gửi ông Bảy, bà Nương đóng dùm và cũng không thừa nhận bà Ph đã đóng tiền lãi cho bà nhiều lần với số tiền 688.500.000 đồng, phía bà L chỉ thừa nhận đã nhận 8.000.000 đồng tiền lãi của bà Ph đã đóng cho bà khoảng năm 2014, thời gian lâu rồi bà không nhớ chính xác. Ngoài ra, bà Ph cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà đã trả cho bà L số tiền lãi nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ph đã đóng tiền lãi cho bà L số tiền 688.500.000 đồng để khấu trừ theo quy định pháp luật.

[5] Xét nội dung kháng cáo bà Ph không đồng ý chịu số tiền lãi 77.913.000 đồng của số tiền gốc 132.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã tính lãi và buộc vợ chồng bà Ph, NLQ1 trả số tiền lãi trên cho bà L là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay gốc 559.000.000 đồng, trong số tiền vay này gồm có số tiền vay 132.000.000 đồng bà Ph thừa nhận nên bà Ph không phải chịu số tiền lãi 77.913.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L và bà L không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay gốc 559.000.000 đồng từ ngày 02/5/2015 âm lịch đổi ra ngày dương lịch là 17/6/2015 đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xử 31/10/2019 nên Hội đồng xét xử sửa lại án phí cụ thể như sau:

- Bà Lâm Thị L không phải nộp án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 16.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002499 ngày 02/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Nguyễn Thị Bích Ph và NLQ1 phải chịu án phí có giá ngạch là 568.100.000 đồng [gồm 560.100.000 đồng + ( 02 chỉ vàng 24k (loại 98%) x 4.000.000 đồng/chỉ)] = 20.000.000 đồng + (168.100.000 đồng x 4%) = 20.000.000 đồng + 6.724.000 đồng = 26.724.000 đồng.

Bà Ph và NLQ1 phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận 688.500.000 đồng cụ thể: 688.500.000 đồng = 20.000.000 đồng +

$(288.500.000 \text{ đồng} \times 4\%) = 20.000.000 \text{ đồng} + 11.540.000 \text{ đồng} = 31.540.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng án phí bà Ph và NLQ1 phải nộp là: 26.724.000 đồng + 31.540.000 đồng = 58.264.000 đồng.

Tuy nhiên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án như sau:

*1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí:*

*đ) Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; **người cao tuổi**; ...*

Do phía NLQ1 sinh năm 1955, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm đã 64 tuổi, đối chiếu với Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 thì NLQ1 là người cao tuổi, nên được miễn tiền án phí dân sự, theo nguyên tắc có lợi cho đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho NLQ1 số tiền 58.264.000 đồng : 2 = 29.132.000 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Bà Ph phải nộp án phí là 29.132.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002498 ngày 12/4/2018 và tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp 15.400.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002501 ngày 12/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà Ph còn phải nộp thêm số tiền 13.432.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng).

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thị L không phải nộp. Bà Nguyễn Thị Bích Ph phải nộp án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Lâm Thị L.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích Ph.

- Sửa nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần kháng cáo của bà Lâm Thị L đối với yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 559.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L đối với bà Nguyễn Thị Bích Ph và NLQ1.

Xử buộc bà Nguyễn Thị Bích Ph và NLQ1 trả cho Lâm Thị L số tiền gốc 560.100.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu một trăm nghìn đồng) và 02 chỉ vàng 24K (loại 98%).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Bích Ph và NLQ1 đối với bà Lâm Thị L về số tiền lãi 688.500.000 đồng (Sáu trăm tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lâm Thị L không phải nộp án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 16.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002499 ngày 02/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Nguyễn Thị Bích Ph phải nộp án phí là 29.132.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002498 ngày 12/4/2018 và tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp 15.400.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002501 ngày 12/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà Ph còn phải nộp thêm số tiền 13.432.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng).

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lâm Thị L không phải nộp 300.000 đồng, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do bà L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007971 ngày 12/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bà Nguyễn Thị Bích Ph phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do NLQ1 đã nộp thay 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007975 ngày 14/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9



Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện G;
- THA dân sự huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Trần Bá Kha**